

**Động cơ học tập ngoại ngữ hai của sinh viên Ngôn ngữ Anh
Trường Đại học Bạc Liêu**
**Learning motivations for second foreign language of English- majored
students at Bac lieu University**
Nguyễn Thanh Tòng*

* Trường Đại học Bạc Liêu
nttong@blu.edu.vn

Ngày nhận bài:

26/7/2023

Ngày chấp nhận đăng:

24/8/2023

Keywords: learning
motivation, French,
English-majored
students, Bac Lieu
University

ABSTRACT

Learning motivation is a factor that plays an important role in orienting and stimulating students' learning activities. The purpose of this study is to discover learning passion through learning motivation on the basis of identifying the advantages and disadvantages of students learning French. The results recognize what students are interested in and some of the limitations when students learn the new language. On that basis, a more reasonable teaching method will be organized to improve students' language acquisition.

TÓM TẮT

Động cơ học tập là một yếu tố có vai trò quan trọng trong việc định hướng, kích thích hoạt động học tập của sinh viên. Mục đích của nghiên cứu này nhằm khám phá sự đam mê học tập thông qua động cơ học tập trên cơ sở xác định những thuận lợi và khó khăn khi học tiếng Pháp của sinh viên. Kết quả ghi nhận những điều sinh viên quan tâm, những mặt hạn chế khi sinh viên học ngôn ngữ mới. Trên cơ sở đó sẽ tổ chức cách dạy hợp lý hơn để nâng cao khả năng tiếp thu ngôn ngữ cho sinh viên.

Từ khóa:

1. Đặt vấn đề

Tiếng Pháp là ngoại ngữ hai dành cho sinh viên chuyên tiếng Anh, nhằm phát huy hơn nữa lợi thế của người học đó là sinh viên có thể sử dụng ít nhất hai ngôn ngữ nước ngoài thì việc yêu cầu phải sử dụng được tiếng Pháp căn bản trong xã hội cũng là vấn đề đặt ra cho giáo viên trong quá trình giảng dạy. Để giúp cho việc học ngoại ngữ thêm sinh động và thấy rõ hơn nhu cầu, đam mê của người học ngoại ngữ, và nhận thấy được những thuận lợi và khó khăn mà người học gặp phải trong quá trình học. Giáo viên cần điều chỉnh thích hợp theo nhu cầu của người học, làm cho bài học sinh động hơn là vấn đề đặt ra trong nghiên cứu này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Động cơ học tập là yếu tố chính yếu của tất cả việc học

Trong học ngoại ngữ, động cơ học tập của sinh viên là nhân tố rất quan trọng mà giáo viên phải quan tâm. Để nhận thức được đầy đủ vai trò của động cơ học tập trong ngoại ngữ, có bốn loại nhân tố học tập góp phần chủ yếu vào các sự thành công hay thất bại của người học ngoại ngữ. Phân tích dựa trên việc nghiên cứu tâm lý học ngôn ngữ người Mỹ và Can-na-da đã thành lập tỉ lệ phần trăm qua các nhân tố như sau: Năng khiếu về ngoại ngữ (33%); Trí thông minh của người học (20%); Tính kiên trì và động cơ học tập (tính chung là 33%); Các nhân tố khác (14%). Qua đó chúng ta nhận

thấy rằng động cơ học tập được xếp bằng với năng khiếu về ngoại ngữ trong việc đánh giá thành công về việc học tốt ngoại ngữ và cao hơn nhân tố về trí thông minh của người học. Điều này không có gì ngạc nhiên bởi vì động cơ học tập làm nên sự khác biệt chủ yếu trong việc tiếp thu tự nhiên ngôn ngữ mẹ đẻ (Girard D, 1995) Động cơ học tập không chỉ trình bày vấn đề trong việc tiếp thu ngôn ngữ đầu tiên. Khi quan sát việc học tập các ngôn ngữ nước ngoài, có sự đa dạng trong động cơ học tập của người học khác nhau. Động cơ có thể mang các cấp độ không giống nhau từ việc đam mê, say mê học tập cho đến mất không thích học tập, hay tệ hơn nữa đó là việc chống đối lại.

2.1.2. Động cơ bên trong

Động cơ bên trong (nội tại) có nghĩa là người ta thực hành một hoạt động bởi sự niềm vui và sự thỏa mãn. Một người có động cơ nội tại khi thực hiện các hoạt động một cách tự nguyện và bởi lợi ích của chính hoạt động đó, không mong chờ vào những phần thưởng, không tìm cách trốn tránh những tình cảm tội lỗi nào đó. Khi đó, động cơ nội tại có thể được hiểu như ước muốn, sự tự nguyện khuyến khích người học tham gia vào hoạt động nói bởi chính lợi ích của họ (Arorson J., 2004, trang 14-19). Các nhân tố xác định động cơ nội tại: Tính ham hiểu biết xuất hiện như nhu cầu tự nhiên. Tính ham hiểu biết là điều quyết định đến động cơ. Động cơ này không chịu sự giảm sút hay hao mòn cùng với sự hài lòng. Điều này không có nghĩa là hài lòng càng tăng thì động cơ càng giảm. Tính ham hiểu biết luôn luôn tạo thành sự chuyển động của tâm lý về việc khám phá thế giới, hướng đến sự hiểu biết. Sự tự quyết định là nhu cầu của tất cả các chủ thể về việc nhận thức, về việc có thể lựa chọn giữa nhiều thái độ. Tất cả những gì cảm thấy như áp lực, áp đặt, sự kiểm soát đều làm giảm sự tự quyết định và làm giảm động cơ nội tại xuống. Những tình huống: tình huống cạnh tranh, tình huống bị hạn chế về thời gian, hay tình huống có sự giám sát cũng giảm động cơ nội tại. Ngược lại, trong các tình huống mà các chủ thể có thể chọn lựa công việc, điều kiện thực hành công việc khi đó họ biết được các mục tiêu dài hạn và quyết định đến động cơ nội tại. Ý thức về khả năng xuất phát từ việc sử lý các thông tin và các thông tin này sẽ là những phản ứng làm người học nhận biết khả năng

của mình. Một hành động thành công với những kết quả tốt đẹp hay những thông tin hoà hòa và hợp lý làm tăng ý thức về khả năng của mỗi người. Việc nắm vững những nhân tố của động cơ nội tại giúp cho giáo viên có các hoạt động giảng dạy phù hợp để tác động vào ý thức của người học, hay tạo ra môi trường học tập năng động, đem đến sự tự chủ và nâng cao khả năng học tập của người học.

2.1.3. Động cơ bên ngoài

Trái lại với động cơ bên trong là động cơ bên ngoài (ngoại lai). Động cơ ngoại lai được xem như chủ thể hành động trong ý định đạt được một kết quả nằm bên ngoài của hành động đó: ví dụ như nhận phần thưởng, tránh bị coi như tội phạm, thắng được thử thách là những động cơ bên ngoài. Động cơ ngoại lai có thể được hiểu như ước muốn khuyến khích người học tham gia vào hoạt động nói bởi lợi ích thực tế, sự thừa nhận bởi bạn bè đồng trang lứa hay cha mẹ và để tránh sự xấu hổ bị trừng phạt. Trong môi trường giáo dục, những ví dụ của các loại động cơ này không thiếu: làm việc để có được điểm cao hoặc làm việc để tránh những điều xấu xa, học để làm vui lòng cha mẹ, thầy cô. Nhưng động cơ này không phải được tất cả học sinh quan tâm, một số học sinh không thích loại động cơ này. Động cơ ngoại lai thì có thể điều khiển được, nó phụ thuộc vào người dạy. Chúng ta có thể nói rằng nhân tố đầu tiên, đó chính là thái độ của giáo viên đối với sinh viên. Giáo viên nên tạo cho sinh viên có nhiều hứng thú và động cơ học tập vì các hoạt động mang tính giải trí. Sinh viên sẽ mất động cơ học tập nếu thực hành dưới sự áp đặt. Vì vậy, sự tự quyết là chìa khóa của động cơ học tập. Động cơ ngoại lai là một nhu cầu để tăng cường học tập, nó phụ thuộc vào nhiều nhân tố. Nhiều nhà nghiên cứu nói rằng những phần thưởng hoặc những hình thức khác nhằm tác động bên ngoài sẽ giết chết động cơ nội tại. Tuy nhiên, không cần phải dừng việc khen thưởng, mà đơn giản là phải chú ý hơn để không giảm động cơ nội tại. Động cơ học tập có thể được phát triển bằng cách chọn lựa cẩn thận bài tập vừa để đạt được mức độ phức tạp hợp lý, để tạo dựng cơ hội cho sự thành công và để nuôi dưỡng sự thích thú bên trong (Astuti D. K., 2013, trang 660-670)

2.2. Phương pháp

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là

phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Đây là phương pháp thu thập dữ liệu thường dùng nhất trong giảng dạy ngoại ngữ và nghiên cứu khoa học. Tầm quan trọng của phương pháp này chỉ đứng sau kiểm tra năng lực ngôn ngữ (Lê Thị Mơ, 2011). Phiếu điều tra được thiết kế trên cơ sở mô hình ba phạm vi động cơ học tập của Dörnyei, sử dụng thang đo 5 bậc của Likert từ “hoàn toàn không đồng ý” đến “hoàn toàn đồng ý”, tổng cộng có 15 câu. Trong đó, từ câu T1 đến câu T5 là các câu hỏi điều tra thuộc phạm vi ngôn ngữ, từ câu T6 đến câu T10 là các câu hỏi điều tra thuộc phạm vi người học, từ câu T11 đến câu T15 là các câu hỏi thuộc phạm vi môi trường học tập.

Dữ liệu được phân tích dựa trên phần mềm SPSS phiên bản 20.0 để phân tích thống kê số liệu điều tra. Thống kê mô tả được sử dụng để phân tích số liệu, giá trị trung bình của câu hỏi được kiểm tra nhằm xác định tầm quan trọng của câu hỏi mà sinh viên đánh dấu. Các câu hỏi được kiểm định độ tin cậy để xác định ý nghĩa nghiên cứu. Sau đó các câu hỏi được phân tích khám phá để xác định nhóm câu hỏi, các giá trị phù hợp các câu hỏi trong quá trình phân tích.

2.3. Kết quả

Từ phân tích bảng câu hỏi (T1-T15) qua phần mềm SPSS, nghiên cứu đạt kết quả định lượng theo 3 nhóm như sau:

Nhóm ngôn ngữ: T1. Bởi vì tôi muốn tìm hiểu văn hóa, lịch sử và nghệ thuật nước Pháp (Điểm TB = 3,62); T2. Vì tôi có người quen là người Pháp (Điểm TB = 3,42) ; T3. Để qua được kỳ thi kiểm tra trình độ năng lực ngoại ngữ (Điểm TB = 3,65); T4. Để sau này có thể tìm được một công việc tốt (Điểm TB = 3,57); T5. Vì có thể giới thiệu về đất nước của tôi (Điểm TB = 3,41).

Nhóm người học: T6. Vì không muốn bị mất mặt với mọi người (Điểm TB = 3,52); T7. Vì muốn chứng minh bản thân có thể làm tốt công việc (Điểm TB = 3,54); T8. Vì tôi phát hiện tiếng Pháp không khó (Điểm TB = 3,49); T9. Vì có phương pháp học tập để đạt được thành tích tốt (Điểm TB = 3,51); T10. Vì không muốn làm bố mẹ thất vọng (Điểm TB = 3,66).

Nhóm môi trường học tập: T11. Bởi thành tích học tập (Điểm TB = 3,67); T12. Bởi giảng

viên dạy học sinh động (Điểm TB = 3,64); T13. Bởi đam mê học ngoại ngữ của bản thân (Điểm TB = 3,68); T14. Bởi giáo trình đang sử dụng hấp dẫn (Điểm TB = 3,57); T15. Bởi lớp học sinh động, sôi nổi (Điểm TB = 3,55). Ngoài ra, thông qua kiểm tra khám phá, dữ liệu cho thấy các câu hỏi đều phân thành ba nhóm và có hệ số tải nhân tố trên 0,5 thỏa điều kiện để phân tích nghiên cứu.

2.3.1 Nhóm ngôn ngữ

Qua kết quả nêu trên, nghiên cứu nhận thấy rằng sinh viên học ngoại ngữ, đặc biệt tiếng Pháp vì muốn tìm hiểu văn hóa, lịch sử và nghệ thuật nước Pháp. Nước Pháp sở hữu di sản kiến trúc đồ sộ, hiện thân của bề dày lịch sử và cả nền văn minh Châu Âu qua các thời kỳ. Các phong cách kiến trúc được thể hiện rõ nét qua các công trình công cộng như nhà thờ, viện bảo tàng, những cây cầu hay thậm chí là các quán cà phê ven đường. Kiến trúc romaine, gothic hay cổ điển đều có thể dễ dàng tìm thấy. Nước Pháp là biểu tượng thời trang của thế giới bên cạnh London (Anh Quốc) Milan (Ý) và New York (Hoa Kỳ), Paris là một trong những kinh đô thời trang với những nhà mốt nổi tiếng đã thành huyền thoại. Người Pháp dẫn đầu xu hướng trào lưu trang phục của thế giới nhưng tất cả đều lấy cảm hứng từ những thời trang từ thập niên 60 của thế kỷ trước. Đó là những trang phục kinh điển không bao giờ hết mốt. Hội họa Pháp nổi tiếng với những tên tuổi lớn trong trường phái Ấn tượng như Claude Monet, Paul Cézanne hay Paul Gauguin làm rạng danh cho nền nghệ thuật Pháp. Những tác phẩm của những danh họa thể hiện những cái nhìn đa chiều độc đáo về phong cảnh và con người. Thể hiện quan điểm nghệ thuật đặc sắc tạo nên những nền móng quan trọng cho hội họa hiện đại.

Nghiên cứu cũng phát hiện rằng sinh viên học tiếng Pháp để qua được kỳ thi kiểm tra trình độ năng lực ngoại ngữ. Sự khó khăn trong quá trình học tập thể hiện sinh viên chưa biết sắp xếp việc học. Sinh viên cho rằng họ chưa biết cách sắp xếp và quản lý thời gian học tập, sinh hoạt một cách hiệu quả. Sinh viên thiếu khả năng liên kết giữa lý thuyết và thực hành cũng như thiếu sự hiểu biết rõ ràng về mục tiêu học tập. Việc thiếu khả năng tự đánh giá trong quá trình học tập cũng như không có khả năng đối phó với sự căng thẳng và áp lực từ nhiều phía cũng ảnh hưởng nhiều đến kết quả học

tập. Khả năng tự học của năm nhất còn thấp so với yêu cầu tự học ở bậc đại học, nhất là theo học chế tín chỉ mà nhà trường đang áp dụng.

Trong kết quả này, nghiên cứu cũng nắm bắt thông tin rằng sinh viên học để sau này có thể tìm được một công việc tốt. Việc nâng cao khả năng sử dụng tiếng Pháp bên cạnh tiếng Anh của sinh viên là yêu cầu cấp thiết của nhà trường cũng như yêu cầu của xã hội. Việc nâng cao ngoại ngữ mà đích đến là sinh viên ngoại ngữ là phải sử dụng tốt ngoại ngữ đã học để giao tiếp trong xã hội là một yêu cầu thực tiễn. Không chỉ vậy, sinh viên còn phải tiếp cận được các chuẩn quốc tế về môn học đó thông qua các chứng chỉ tương đương. Trong thời gian qua, việc sinh viên không thể nói được ngoại ngữ đã được cộng đồng xã hội rất quan tâm như sinh viên chuyên ngữ cũng cần ngoại ngữ. Vấn đề này đã đặt cho các nhà giáo dục cũng như giáo viên phải nhìn nhận lại việc tổ chức giảng dạy của mình để sinh viên có thể giao tiếp tốt, thực hành được khả năng sử dụng ngôn ngữ trong điều kiện thực tế của môi trường xã hội. Sinh viên không chỉ làm tốt vai trò của mình như trình độ, bằng cấp, đáp ứng được công việc, kỹ năng mềm trong xử lý tình huống mà sinh viên còn phải có khả năng giao tiếp thành thạo không chỉ một ngoại ngữ mà phải biết sử dụng nhiều ngoại ngữ. Điều đó đòi hỏi sinh viên phải cố gắng phát huy hơn nữa khả năng về ngôn ngữ bởi vì tầm quan trọng của ngoại ngữ trong công việc là rất lớn. Nguồn nhân lực mà doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc ngày càng khắt khe hơn như phải đáp ứng được kiến thức chuyên môn, có kỹ năng nghề nghiệp, có kinh nghiệm và phải sử dụng thành thạo nhiều ngoại ngữ mà sinh viên đã học. Để hội đủ các yêu cầu trên thì vai trò của người học và người dạy phải cố gắng rất nhiều thì mới có thể đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện nay. Ngoài ra, còn có thể giới thiệu về đất nước thông qua ngôn ngữ tiếng Pháp cũng như có người quen là người Pháp.

2.3.2 Nhóm người học

Qua nghiên cứu nhận thấy rằng trong nhóm này các động lực xoay quanh sinh viên. Sinh viên cố gắng học tập vì không muốn bị mất mặt với bạn bè trong lớp. Đây là động lực rất thường gặp trong đời sống. Có nhiều cách để đánh giá một người trong môi trường xã hội. Trong đó năng lực học

tập (nội lực) là một tiêu chí để đánh giá, đánh giá sự thành công trong đời sống. Người có năng lực học tập sẽ học tập và tiếp thu tốt kiến thức hay nói cách khác người học tốt sẽ tiếp thu kỹ năng làm việc tốt hơn. Chính vì vậy mà sinh viên học để không mất mặt với mọi người. Đây là việc rất có sự cân nhắc của sinh viên. Bên cạnh đó, động lực gần gũi nhất có lẽ đó là cho cha mẹ sinh viên. Sinh viên học không muốn làm bố mẹ thất vọng khi cha mẹ sinh viên đặt rất nhiều kỳ vọng vào sự thành công của sinh viên. Với truyền thống hiếu học của văn hóa người Việt thì sự kỳ vọng của cha mẹ sinh viên vào sinh viên là rất nhiều. Điều đó thể hiện sự quan tâm, chăm lo và đôi khi sinh viên là nơi gởi gắm niềm tin, niềm khao khát mà cha mẹ sinh viên không thể thực hiện được trong đời sống. Cha mẹ sinh viên như ngọn lửa thắp sáng trên quá trình, con đường học tập của sinh viên.

Sinh viên học tiếng Pháp bên cạnh tiếng Anh vì muốn chứng minh bản thân có thể làm tốt công việc. Ở đây công việc cần hiểu theo hai khía cạnh. *Thứ nhất*, đó là công việc trong học tập. Đây là nhiệm vụ mà sinh viên phải làm. Sinh viên phải học tập để tích lũy kiến thức trong giai đoạn ở trên ghế nhà trường. Học tập là chứng minh bản thân có khả năng tiếp thu tốt kiến thức. Là giai đoạn chuyển tiếp để đi vào xã hội. *Thứ hai*, đó là việc làm tốt công việc sau khi ra trường đi làm trong xã hội. Làm tốt công việc và trách nhiệm mà sinh viên đảm trách. Rõ ràng là kiến thức trong giai đoạn học tập ở trường đại học là rất quan trọng. Kiến thức này là nền tảng, là cầu nối để sinh viên ứng dụng tốt vào trong quá trình học tập và làm việc. Sinh viên làm tốt công việc chuyên môn thì trước tiên phải làm tốt công việc học tập ngay trên giảng đường, trong quá trình học tập.

Ngoài ra sinh viên phát hiện tiếng Pháp không khó trong quá trình học tập. Bởi vì sinh viên học chuyên ngành ngoại ngữ- tiếng Anh nên việc học tập ngoại ngữ thứ hai có nhiều điểm tương đồng. Việc học các ngôn ngữ khác nhau đều có công thức, cách tiếp cận khoa học cho mỗi ngôn ngữ. Chính vì vậy sinh viên học rất dễ dàng. Việc học ngoại ngữ trở nên nhẹ nhàng, đơn giản, phù hợp với khả năng và tố chất của sinh viên. Do vậy, việc học ngoại ngữ của sinh viên không gặp trở ngại nhiều. Sinh viên có phương pháp học tập để

đạt được thành tích tốt nhằm để bù đắp cho các môn chuyên ngành có yêu cầu cao về môn học. Khi đó kết quả sẽ không cao. Do tiếng Pháp dễ đạt điểm cao nên môn này coi như môn học mà sinh viên có thể cải thiện thành tích học tập trong quá trình học. Có thành tích tốt để hỗ trợ các môn học chuyên ngành.

2.3.3 Nhóm môi trường học tập

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng sinh viên học qua việc giảng viên dạy học sinh động (động cơ bên ngoài/ngoại lai). Việc dạy giao tiếp được thiết lập trên nguyên tắc việc học ngôn ngữ là một tiến trình, chỉ có thể thực hiện có hiệu quả khi biết cách sử dụng tốt các khả năng của người học để đạt được mục tiêu giao tiếp. Quá trình này được tiến hành đạt hiệu quả cao khi giáo viên có sự hợp tác và khuyến khích tự chủ giao tiếp: giáo viên đề nghị những chủ đề mà sinh viên thích và giải thích tại sao phải chọn các chủ đề đó để cho sinh viên có động cơ học tập tốt hơn, khuyến khích sự tham gia nhiệt tình của sinh viên trong lớp. Giáo viên giúp học sinh diễn tả ý muốn, ý tưởng trong giao tiếp bằng cách gợi ý các câu trả lời thích hợp với chủ đề. Đồng thời cũng phải để cho sinh viên tự do thảo luận các ý kiến cá nhân của họ, phát huy suy nghĩ và tìm kiếm ý tưởng, đạt được mục tiêu giao tiếp hay cũng là mục tiêu tìm kiếm thông tin ở sinh viên. Bên cạnh đó, giáo viên cũng phát huy tính độc lập trong quá trình giao tiếp của sinh viên để sinh viên dần dần tự chủ trong quá trình học tập và trao đổi thông tin.

Thái độ nhiệt tình ủng hộ của giáo viên cũng là động lực tốt. Giáo viên có chấp nhận những ý kiến thảo luận của sinh viên trong lúc đàm thoại, tôn trọng ý kiến của sinh viên, không chen vào quá trình giao tiếp của sinh viên. Để sinh viên mạnh dạn diễn đạt các ý tưởng cá nhân mặc dù có sự nghi ngờ, sự chưa đúng hoàn toàn các câu đàm thoại, nhưng vẫn được sinh viên mạnh dạn diễn đạt. Bên cạnh đó, giáo viên và sinh viên cần khai thác những điểm chung về kinh nghiệm và ý tưởng để tìm ra các điểm tương đồng nhằm tạo không khí học tập, tôn trọng kiến thức của nhau nhằm tiến tới sinh viên sẽ tự tin trong quá trình giao tiếp. Sự tương tác với giáo viên là sự phát triển niềm tin của sinh viên trong quá trình trao đổi. Giáo viên cần hỗ trợ sinh viên tìm ra những ý tưởng thích hợp, các cụm từ

để sinh viên có thể diễn đạt bằng lời, giải quyết các khó khăn về ngôn ngữ mà sinh viên gặp phải trong quá trình giao tiếp, khuyến khích sinh viên làm việc cá nhân và tự sửa lỗi lẫn nhau trong quá trình giao tiếp. Giáo viên phải thể hiện sự khen ngợi, hài lòng khi sinh viên làm tốt trong quá trình trao đổi.

Ngoài ra, sinh viên học bởi đam mê học ngoại ngữ của bản thân. Xét về cảm nhận của sinh viên về việc học tiếng Pháp thì có 65% sinh viên nghĩ học tiếng Pháp là phải nói được ngôn ngữ này, còn lại 35% trả lời không. Và cảm nhận của sinh viên sau khi nói một chủ đề tiếng Pháp thì có 47% rất vui, 35% bình thường, 10% hoàn thành nhiệm vụ nói và 8% là có thêm điểm. Qua đó ta thấy tâm lý sinh viên muốn học môn tiếng Pháp để có kiến thức, còn vấn đề học để lấy điểm số không phải là tiêu chí quan trọng. Như vậy, giáo viên cần tạo ra sự đam mê học tập của sinh viên đó là sự khuyến khích, sự phản hồi, các phần thưởng tạo nên động cơ. Động cơ trong học tập và giảng dạy ngoại ngữ phụ thuộc vào nhu cầu, ước muốn của sinh viên. Giáo viên tham gia vào việc tạo động cơ thông qua việc bắt đầu bài học như : Giới thiệu bài học thật sinh động; Sáng tạo lựa chọn phương tiện dạy học; Tạo thích thú về môn học. Đối diện với sinh viên, giáo viên thể hiện: Cho sinh viên thấy niềm tin vào khả năng thành công của sinh viên; Tránh tạo ra những tình huống có tính cạnh tranh mà sinh viên có nguy cơ thắng thua; Thành thật với sinh viên, tìm kiếm cơ hội, để hướng dẫn sinh viên làm tốt công việc nói. Không làm nản lòng sinh viên, không tức giận hay mất kiên nhẫn và tránh la rầy sinh viên trước mặt bạn bè; Tránh thể hiện lòng thương hại trước một thất bại của sinh viên; Đối xử lịch sự và tôn trọng sinh viên. Mỉm cười và có lời đánh giá ý kiến của sinh viên với thái độ tích cực, không làm bối rối sinh viên bằng việc cười nhạo hay chế giễu; Quan tâm tất cả sinh viên chứ không phải chỉ sinh viên khá, giỏi. Sau khi sinh viên nói xong, giáo viên khen ngợi để sinh viên cảm thấy họ đã tiến bộ, với cảm nhận đã hoàn thành tốt nhiệm vụ. Khen ngợi sinh viên khi sinh viên làm tốt là điều không thể thiếu. Giáo viên luôn luôn khen ngợi khi sinh viên làm tốt, tạo động lực để sinh viên phát triển hơn nữa. Sự tiến bộ dựa trên khả năng thực tế của sinh viên. Khen ngợi là món quà tinh thần quý giá để sinh

viên phấn đấu nhiều hơn trong học tập. Khen ngợi đúng lúc sẽ tạo ra giá trị cao nhất.

Ngoài ra, giáo trình đang sử dụng hấp dẫn cũng lôi cuốn sự học tập của sinh viên. Giáo trình giảng dạy phù hợp và thích hợp với chuyên ngành cho từng chuyên ngành hẹp để tạo hứng thú và đáp ứng được yêu cầu đào tạo của từng chuyên ngành ngoại ngữ. Đó là chương trình dành cho sinh viên ngoại ngữ có những đặc điểm riêng biệt như luôn tuân thủ theo một cấu trúc nhất định, có sự đa dạng trong các hoạt động phát triển kỹ năng đặc biệt việc phát triển bốn kỹ năng như nghe, nói, đọc, viết. Giáo trình không chỉ chú trọng vào việc cung cấp các thuật ngữ, từ vựng chuyên ngành mà còn đáp ứng nhu cầu giao tiếp, khơi dậy hứng thú, sự đánh trúng vào ước muốn, yêu cầu tâm lý để sinh viên có động cơ hăng say trong học tập. Bên cạnh đó giáo trình có sự so sánh, đối chiếu về ngữ nghĩa, ngữ cảnh của các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến hoạt động nghiệp vụ, chuyên ngành, đặc điểm của ngành học trong giảng dạy ngoại ngữ chứ không chỉ đơn thuần là việc dịch ra theo đặc điểm ngôn ngữ mà còn đưa ra các từ tương đương giữa hai ngôn ngữ trong các tình huống tương tự như nhau để cho sinh viên có thể thực hành trong điều kiện thực tế sau khi tốt nghiệp và đi làm. Ngoài ra, giáo trình thúc đẩy ý thức tự học và sáng tạo của sinh viên chính vì vậy mà vấn đề tự học, sáng tạo của sinh viên luôn được đặt lên hàng đầu trong các mục tiêu đào tạo. Trong quá trình học môn ngoại ngữ, những kỹ năng tự học đã được sinh viên áp dụng để tự tìm tòi, nâng cao khả năng tự học và sáng tạo. Đây là công việc rất quan trọng trong việc nâng cao khả năng tự học, tự điều chỉnh của sinh viên. Giáo trình mang tính tự học cao phù hợp với việc đào tạo theo hình thức tín chỉ. Đáp ứng yêu cầu tự học, xây dựng kế hoạch học tập của sinh viên trong suốt quá trình học tập. Bên cạnh đó, lớp học sinh động, sôi nổi tạo điều kiện học tập thú vị, và dĩ nhiên thành tích học tập luôn gắn liền theo đó.

3. Khuyến nghị

3.1. Tạo sự đam mê học tập ở sinh viên

Tạo ra sự đam mê học tập của sinh viên đó là sự khuyến khích, sự phản hồi, các phần thưởng tạo nên động cơ. Động cơ nội tại trong học tập và giảng dạy ngoại ngữ phụ thuộc vào nhu cầu, ước muốn của sinh. Giáo viên sử dụng các phương

pháp, cách tiếp cận và kỹ thuật pháp khác nhau để khuyến khích sinh viên học tập. Chuẩn bị bài chu đáo, giảng dạy rõ ràng xuyên suốt bài học được xem như là động lực (Lê Thị Mơ, 2011). Giáo viên tham gia vào việc tạo động cơ thông qua việc bắt đầu bài học như: Giới thiệu thú vị bài học; Sáng tạo lựa chọn phương tiện dạy học; Tạo thích thú về môn học. Đối diện với sinh viên, giáo viên thể hiện: Cho sinh viên thấy niềm tin vào khả năng thành công của sinh viên; Tránh tạo ra những tình huống có tính cạnh tranh mà sinh viên có nguy cơ thất bại; Thành thật với sinh viên, tìm kiếm cơ hội, để hướng dẫn sinh viên làm tốt công việc học tập. Không làm nản lòng sinh viên, không tức giận hay mất kiên nhẫn và tránh la rầy sinh viên trước mặt bạn bè; Tránh thể hiện lòng thương hại trước một thất bại của sinh viên; Đối xử lịch sự và tôn trọng sinh viên. Mỉm cười và có lời đánh giá ý kiến của sinh viên với thái độ tích cực, không làm bối rối sinh viên bằng việc cười nhạo hay chế giễu; Quan tâm tất cả sinh viên chứ không phải chỉ sinh viên khá, giỏi. Sau khi sinh viên làm bài xong, giáo viên khen ngợi để sinh viên cảm thấy họ đã tiến bộ, với cảm nhận đã hoàn thành tốt nhiệm vụ. Giáo viên luôn luôn khen ngợi khi sinh viên làm tốt, tạo động lực để sinh viên phát triển hơn nữa. Sự tiến bộ dựa trên khả năng thực tế của sinh viên. Khen ngợi là món quà tinh thần quý giá để sinh viên phấn đấu nhiều hơn trong học tập. Khen ngợi đúng lúc sẽ tạo ra giá trị cao nhất.

3.2. Thái độ khuyến khích học tập của giáo viên

Việc dạy giao tiếp được thiết lập trên nguyên tắc việc học ngôn ngữ là một tiến trình, chỉ có thể thực hiện có hiệu quả khi biết cách sử dụng tốt các khả năng của người học để đạt được mục tiêu giao tiếp. Quá trình này được tiến hành đạt hiệu quả cao khi giáo viên có sự hợp tác và khuyến khích tự chủ giao tiếp: giáo viên đề nghị những chủ đề mà sinh viên thích và giải thích tại sao phải chọn các chủ đề đó để cho sinh viên có động cơ học tập tốt hơn, khuyến khích sự tham gia nhiệt tình của sinh viên trong lớp. Giáo viên giúp học sinh diễn tả ý muốn, ý tưởng trong giao tiếp bằng cách gợi ý các câu trả lời thích hợp với chủ đề. Đồng thời cũng phải để cho sinh viên tự do thảo luận các ý kiến cá nhân của họ, phát huy suy nghĩ và tìm kiếm ý tưởng, đạt

được mục tiêu giao tiếp hay cũng là mục tiêu tìm kiếm thông tin ở sinh viên. Bên cạnh đó, giáo viên cũng phát huy tính độc lập trong quá trình giao tiếp của sinh viên để sinh viên dần dần tự chủ trong quá trình học tập và trao đổi thông tin. Thái độ hợp tác của giáo viên: giáo viên có chấp nhận những ý kiến thảo luận của sinh viên trong lúc đàm thoại, tôn trọng ý kiến của sinh viên, không chen vào quá trình giao tiếp của sinh viên. Để sinh viên mạnh dạn diễn đạt các ý tưởng cá nhân mặc dù có sự nghi ngờ, sự chưa đúng hoàn toàn các câu đàm thoại, nhưng vẫn được sinh viên mạnh dạn diễn đạt. Bên cạnh đó, giáo viên và sinh viên cần khai thác những điểm chung về kinh nghiệm và ý tưởng để tìm ra các điểm tương đồng nhằm tạo không khí học tập, tôn trọng kiến thức của nhau nhằm tiến tới sinh viên sẽ tự tin trong quá trình giao tiếp.

3.3. Tạo ra môi trường học tập ngoại ngữ

Tạo dựng một môi trường thích hợp để sinh viên ngày càng chủ động trong học tập là việc làm cần thiết. Mặt khác, giáo viên nên thoải mái, cởi mở đối với sinh viên để loại bỏ sự căng thẳng, sợ sệt, lo lắng bằng những lời động viên. Như vậy, giáo viên cần xây dựng môi trường học tập thoải mái, cởi mở và thân thiện đối với sinh viên như: Giáo viên tổ chức sắp xếp bàn ghế trong lớp học theo hình tròn hoặc theo nhóm để sinh viên giáp mặt với nhau để dễ dàng trao đổi; Sinh viên sẽ không thấy thoải mái khi ngồi mà nói ngoại ngữ. Giáo viên cần tạo điều kiện để sinh viên có tư thế thoải mái để nói trong lớp; Để bắt đầu tiết dạy,

giáo viên nên cho sinh viên chơi một số trò chơi khởi động để tạo bầu không khí thoải mái trước khi vào nội dung chính; Tạo các chủ đề khác nhau để cho các nhóm tham gia tranh luận, nếu có thể, giáo viên cũng yêu cầu sinh viên chuẩn bị các ý kiến cá nhân và các luận điểm để bảo vệ các ý kiến đó. Sau đó cho các nhóm cử người đại diện để nói, trao đổi các ý tưởng. Giáo viên cần tạo dựng môi trường trong lớp thật giống với các tình huống mà sinh viên gặp phải trong quá trình thực tế, trang bị dụng cụ, thiết bị như một tình huống cụ thể của cuộc sống [8]. Môi trường xã hội trong lớp tạo điều kiện để cho sinh viên thực hành nói cùng nhau, tự chỉnh sửa các sai sót về văn phạm, từ vựng, hoặc hiểu nhầm để tiến tới sinh viên tự làm chủ ngôn ngữ và tự đánh giá sự tiến bộ của bản thân (Madsa T., 2012, trang 1-8).

4. Kết luận

Qua quá trình tìm hiểu về việc học tập của sinh viên, chúng ta nhận thức được những đặc điểm riêng biệt của sinh viên của Trường Đại học Bạc Liêu, cũng như những thuận lợi và khó khăn mà sinh viên gặp phải trong quá trình học tiếng Pháp. Điều này giúp cho giáo viên khai thác những mặt tích cực và hạn chế những khó khăn để hướng dẫn sinh viên học tốt hơn tiếp Pháp đang học. Ngoài ra, dựa trên những khó khăn mà sinh viên gặp phải, giáo viên tự điều chỉnh cách dạy, phong cách truyền đạt tri thức, phương pháp để giúp cho sinh viên tiếp thu nhanh và có hiệu quả hơn trong môn tiếng Pháp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Arorson J., (2004). The threat of stereotype, *Educational leadership*, 62, 3, 14-19
- Astuti D. K., 2013, *The Gap between English Competence & Performance (Performance: The Learners` Speaking Ability)*. pp 660-670.
- Ellis S. R., 1985, *Understanding second language acquisition*, Oxford, Oxford University Press
- Girard D., (1995). *Enseigner les langues : méthodes et pratiques*, Paris, Bordas.
- Lê Thị Mơ, (2011). *Kỹ năng giao tiếp của sinh viên trường Đại học Bạc Liêu*, Đại học Bạc Liêu.
- Madsa T., 2012, Motivating student's speaking skill through simulation in English for specific purposes, trong *1st Mae Fah Luang University International Conference 2012*, 1-8
- Qian P. X., 2011, La Clé du bonheur » dans *Ego- Echo Printemps 2011*, Shanghai : SISU.
- Schiffler L., 1991, *Pour un enseignement interactif des langues étrangères*, Paris: Hatier/Didier